UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI
Đề số 1

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN ĐỊA LÍ 9
Năm học:2023 – 2024
Thời gian làm bài: 45 phút

I. Trắc nghiệm (7 điểm)

Câu 1. Những thế mạnh kinh tế quan trọng hàng đầu của Trung du và miền núi Bắc Bộ là:
A. trồng cây lương thực, cây ăn quả và khai thác lâm sản
B. khai thác khoáng sản và phát triển thủy điện
C. giao thông vận tải biển và nuôi trồng thủy sản
D. công nghiệp chế biến lương thực – thực phẩm và phát triển ngành thủy sản

Câu 2. Tính đa dạng về cơ cấu sản phẩm nông nghiệp của Trung du và miền núi Bắc Bộ thể hiện ở chỗ có cả:
A. cây công nghiệp, cây ăn quả và cây dược liệu.
B. cây lương thực, cây ăn quả, và cây thực phẩm.
C. cây nhiệt đới, cây cận nhiệt và cả cây ôn đới.
D. cây thực phẩm, cây ăn quả và cây công nghiệp.

Câu 3. Di sản thiên nhiên thế giới được UNESCO công nhận ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là:
A. Vịnh Hạ Long **B.** Tam Đảo **C.** Đền Hùng **D.** Sa Pa

Câu 4. Đặc điểm nào sau đây không phải của Trung du và miền núi Bắc Bộ?
A. có sự phân hóa thành hai tiểu vùng. **B.** có số dân đông nhất so với các vùng khác.
C. có diện tích lớn nhất so với các vùng khác. **D.** giáp cả Trung Quốc và Lào.

Câu 5. Thuận lợi về tự nhiên trong nuôi trồng thủy sản nước lợ ở nước ta là
A. nhiều sông suối, ao hồ, kênh rạch. **B.** nhiều bãi triều, đầm phá, rừng ngập mặn.
C. nhiều hải đảo có rạn san hô. **D.** nhiều ngư trường trọng điểm.

Câu 6. Ở nước ta, năm 2012 diện tích trồng lúa là 7,76 triệu ha, sản lượng lúa là 43,73 triệu tấn. Năng suất lúa của nước ta năm 2012 là
A. 5,64 tạ/ha **B.** 35,9 tạ/ha **C.** 51,5 tạ/ha **D.** 56,4 tạ/ha

Câu 7. Các trung tâm kinh tế quan trọng ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là:
A. Cẩm Phả, Cao Bằng, Hà Giang, Uông Bí
B. Thái Nguyên, Việt Trì, Hạ Long, Lạng Sơn
C. Lào Cai, Điện Biên Phủ, Sơn La, Hòa Bình
D. Móng Cái, Tuyên Quang, Bắc Giang, Bắc Kan.

Câu 8. Các nhà máy thủy điện Sơn La, Hòa Bình nằm trên dòng sông:
A. Gâm **B.** Chảy **C.** Đà **D.** Lô

Câu 9. Dựa vào Atlat hãy cho biết năm 2007 khách du lịch quốc tế đến Việt Nam chủ yếu từ quốc gia vùng lãnh thổ nào?
A. Trung Quốc. **B.** Nhật Bản **C.** Hàn Quốc **D.** Đông Nam Á

Câu 10. Tài nguyên khoáng sản có giá trị ở Đồng bằng Sông Hồng là:
A. đá vôi, sét cao lanh, than nâu, khí tự nhiên. **B.** apatit, mangan, than nâu, đồng.
C. thiếc, vàng, chì, kẽm **D.** than nâu, bôxít, sắt, dầu mỏ.

Câu 11. Thế mạnh về tự nhiên tạo cho Đồng bằng Sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông là:
A. nguồn nước mặt phong phú. **B.** đất phù sa màu mỡ.
C. có một mùa đông lạnh. **D.** địa hình bằng phẳng.

Câu 12. Họat động nội thương phát triển *chậm nhất* ở vùng:
A. Đông Nam Bộ **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ
C. ĐBSH **D.** Tây Nguyên

Câu 13. Loại nhiên liệu sử dụng cho các nhà máy nhiệt điện ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là:

A. Than gỗ. **B.** Khí đốt **C.** Dầu lửa **D.** Than đá

Câu 14. Về mặt tự nhiên Trung du và miền núi Bắc Bộ có đặc điểm chung là:

A. chịu tác động rất lớn của biển. **B.** chịu ảnh hưởng nặng của mạng lưới thủy văn.

C. chịu ảnh hưởng sâu sắc của vĩ độ. **D.** chịu sự chi phối sâu sắc của độ cao địa hình.

Câu 15. Các tỉnh không thuộc Đồng bằng Sông Hồng là:

A. Thái Bình, Nam Định **B.** Bắc Ninh, Vĩnh Phúc

C. Bắc Giang, Lạng Sơn **D.** Hà Nam, Ninh Bình

Câu 16. Cây công nghiệp lâu năm quan trọng nhất ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là:

A. chè **B.** cao su **C.** điều **D.** cà phê

Câu 17. Khoáng sản có trữ lượng lớn nhất vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là:

A. Than đá **B.** Sắt **C.** Đá vôi **D.** Đồng

Câu 18. Giá trị sản xuất công nghiệp ở nước ta tập trung cao ở vùng

A. Bắc Trung Bộ. **B.** Duyên Hải Nam Trung Bộ

C. Tây Nguyên **D.** Đông Nam Bộ.

Câu 19. Loài gia súc nào của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ chiếm tỉ trọng cao nhất so với cả nước?

A. Ngựa. **B.** Bò. **C.** Dê. **D.** Trâu.

Câu 20. Các dân tộc ít người ở Tây Bắc chủ yếu là:

A. Gia-rai, Cơ-ho, Ê-đê, Mạ,… **B.** Thái, Mường, Dao, Mông,…

C. Tày, Nùng, Hoa, Chăm,... **D.** Ê - đê, Dao, Giáy, Lự,…

Câu 21. Trong nông nghiệp Đồng bằng sông Hồng phát triển mạnh:

A. chăn nuôi gà, vịt, ngan, cừu. **B.** chăn nuôi trâu, bò, dê, ngựa.

C. chăn nuôi lợn, bò sữa, gia cầm. **D.** chăn nuôi bò thịt, đánh bắt thủy sản.

Câu 22. Đồng bằng sông Hồng là đồng bằng châu thổ được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống:

A. sông Hồng và sông Cầu **B.** sông Hồng và sông Thái Bình

C. sông Hồng và sông Đà **D.** sông Hồng và sông Lục Nam

Câu 23. Đồng bằng sông Hồng gồm bao nhiêu tỉnh, thành phố?

A. 11 **B.** 12 **C.** 9 **D.** 10

Câu 24. Vùng có kết cấu hạ tầng nông thôn hoàn thiện nhất trong nước là:

A. Đồng bằng sông Hồng **B.** Tây Nguyên

C. Đồng bằng sông Cửu Long **D.** Đông Nam Bộ

Câu 25. Công nghiệp của Đồng bằng sông Hồng có đặc điểm

A. còn chậm phát triển **B.** Chủ yếu là công nghiệp năng lượng và khai khoáng

C. phát triển mạnh nhất **D.** hình thành sớm nhất

Câu 26. Đồng bằng sông Hồng có diện tích lúa

A. thứ ba cả nước **B.** thứ hai cả nước **C.** thứ tư cả nước **D.** cao nhất cả nước

Câu 27. Đâu không phải nguyên nhân dẫn đến Đồng bằng Sông Hồng có mật độ dân số cao nhất so với các vùng khác trong cả nước là do:

A. mạng lưới đô thị dày đặc. **B.** Là trung tâm công nghiệp lớn nhất nước ta.

C. lịch sử khai thác lãnh thổ từ lâu đời. **D.** nền nông nghiệp lúa nước cần nhiều lao động.

Câu 28. Tài nguyên quý giá nhất của vùng Đồng bằng sông Hồng là:

A. Đất xám, đất mặn **B.** Đất feralit

C. Than nâu và đá vôi **D.** Đất phù sa sông Hồng

II.TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1 *(2 điểm):* Điều kiện tự nhiên của Đồng bằng Sông Hồng có những thuận lợi và khó khăn gì cho phát triển kinh tế - xã hội?

Câu 2 *(1 điểm):* Tầm quan trọng của hệ thống đê điều ở Đồng bằng sông Hồng?

……Chúc các em làm bài tốt……..

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI
Đề số 2

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN ĐỊA LÍ 9
Năm học:2023 – 2024
Thời gian làm bài: 45 phút

I. Trắc nghiệm (7 điểm) (*Học sinh ghi ý đúng nhất vào phiếu làm bài)*

Câu 1. Các trung tâm kinh tế quan trọng ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là:
A. Móng Cái, Tuyên Quang, Bắc Giang, Bắc Kan.
B. Cẩm Phả, Cao Bằng, Hà Giang, Uông Bí
C. Lào Cai, Điện Biên Phủ, Sơn La, Hòa Bình
D. Thái Nguyên, Việt Trì, Hạ Long, Lạng Sơn

Câu 2. Giá trị sản xuất công nghiệp ở nước ta tập trung cao ở vùng
A. Bắc Trung Bộ. **B.** Đông Nam Bộ.
C. Tây Nguyên **D.** Duyên Hải Nam Trung Bộ

Câu 3. Tài nguyên khoáng sản có giá trị ở Đồng bằng Sông Hồng là:
A. than nâu, bôxít, sắt, dầu mỏ. **B.** thiếc, vàng, chì, kẽm
C. apatit, mangan, than nâu, đồng. **D.** đá vôi, sét cao lanh, than nâu, khí tự nhiên.

Câu 4. Các tỉnh không thuộc Đồng bằng Sông Hồng là:
A. Bắc Giang, Lạng Sơn **B.** Hà Nam, Ninh Bình
C. Bắc Ninh, Vĩnh Phúc **D.** Thái Bình, Nam Định

Câu 5. Tính đa dạng về cơ cấu sản phẩm nông nghiệp của Trung du và miền núi Bắc Bộ thể hiện ở chỗ có cả:
A. cây công nghiệp, cây ăn quả và cây dược liệu.
B. cây nhiệt đới, cây cận nhiệt và cả cây ôn đới.
C. cây lương thực, cây ăn quả, và cây thực phẩm.
D. cây thực phẩm, cây ăn quả và cây công nghiệp.

Câu 6. Về mặt tự nhiên Trung du và miền núi Bắc Bộ có đặc điểm chung là:
A. chịu tác động rất lớn của biển. **B.** chịu ảnh hưởng sâu sắc của vĩ độ.
C. chịu sự chi phối sâu sắc của độ cao địa hình. **D.** chịu ảnh hưởng nặng của mạng lưới thủy văn.

Câu 7. Thuận lợi về tự nhiên trong nuôi trồng thủy sản nước lợ ở nước ta là
A. nhiều ngư trường trọng điểm. **B.** nhiều sông suối, ao hồ, kênh rạch.
C. nhiều bãi triều, đầm phá, rừng ngập mặn **D.** nhiều hải đảo có rạn san hô.

Câu 8. Họat động nội thương phát triển *chậm nhất* ở vùng:
A. ĐBSH **B.** Tây Nguyên
C. Đông Nam Bộ **D.** Duyên hải Nam Trung Bộ

Câu 9. Dựa vào Atlat hãy cho biết năm 2007 khách du lịch quốc tế đến Việt Nam chủ yếu từ quốc gia vùng lãnh thổ nào?
A. Nhật Bản **B.** Trung Quốc. **C.** Đông Nam Á **D.** Hàn Quốc

Câu 10. Thế mạnh về tự nhiên tạo cho Đồng bằng Sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông là:
A. có một mùa đông lạnh. **B.** nguồn nước mặt phong phú.
C. địa hình bằng phẳng. **D.** đất phù sa màu mỡ.

Câu 11. Loại nhiên liệu sử dụng cho các nhà máy nhiệt điện ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là:
A. Than đá **B.** Dầu lửa **C.** Than gỗ. **D.** Khí đốt

Câu 12. Những thế mạnh kinh tế quan trọng hàng đầu của Trung du và miền núi Bắc Bộ là:
A. công nghiệp chế biến lương thực – thực phẩm và phát triển ngành thủy sản
B. giao thông vận tải biển và nuôi trồng thủy sản
C. trồng cây lương thực, cây ăn quả và khai thác lâm sản
D. khai thác khoáng sản và phát triển thủy điện

Câu 13. Các dân tộc ít người ở Tây Bắc chủ yếu là:

A. Thái, Mường, Dao, Mông,… **B.** Tày, Nùng, Hoa, Chăm,...

C. Ê - đê, Dao, Giáy, Lự,… **D.** Gia-rai, Cơ-ho, Ê-đê, Mạ,…

Câu 14. Đặc điểm nào sau đây không phải của Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A. có diện tích lớn nhất so với các vùng khác. **B.** có số dân đông nhất so với các vùng khác.

C. giáp cả Trung Quốc và Lào. **D.** có sự phân hóa thành hai tiểu vùng.

Câu 15. Cây công nghiệp lâu năm quan trọng nhất ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là:

A. cao su **B.** điều **C.** cà phê **D.** chè

Câu 16. Ở nước ta, năm 2012 diện tích trồng lúa là 7,76 triệu ha, sản lượng lúa là 43,73 triệu tấn. Năng suất lúa của nước ta năm 2012 là

A. 56,4 tạ/ha **B.** 35,9 tạ/ha **C.** 5,64 tạ/ha **D.** 51,5 tạ/ha

Câu 17. Khoáng sản có trữ lượng lớn nhất vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là:

A. Sắt **B.** Than đá **C.** Đá vôi **D.** Đồng

Câu 18. Loài gia súc nào của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ chiếm tỉ trọng cao nhất so với cả nước?

A. Trâu. **B.** Bò. **C.** Ngựa. **D.** Dê.

Câu 19. Di sản thiên nhiên thế giới được UNESCO công nhận ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là:

A. Tam Đảo **B.** Vịnh Hạ Long **C.** Sa Pa **D.** Đền Hùng

Câu 20. Các nhà máy thủy điện Sơn La, Hòa Bình nằm trên dòng sông:

A. Đà **B.** Chảy **C.** Gâm **D.** Lô

Câu 21. Đồng bằng sông Hồng gồm bao nhiêu tỉnh, thành phố?

A. 9 **B.** 11 **C.** 10 **D.** 12

Câu 22. Đồng bằng sông Hồng là đồng bằng châu thổ được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống:

A. sông Hồng và sông Đà **B.** sông Hồng và sông Cầu

C. sông Hồng và sông Thái Bình **D.** sông Hồng và sông Lục Nam

Câu 23. Vùng có kết cấu hạ tầng nông thôn hoàn thiện nhất trong nước là:

A. Đồng bằng sông Hồng **B.** Đông Nam Bộ

C. Đồng bằng sông Cửu Long **D.** Tây Nguyên

Câu 24. Công nghiệp của Đồng bằng sông Hồng có đặc điểm

A. Chủ yếu là công nghiệp năng lượng và khai khoáng **B.** hình thành sớm nhất

C. còn chậm phát triển **D.** phát triển mạnh nhất

Câu 25. Trong nông nghiệp Đồng bằng sông Hồng phát triển mạnh:

A. chăn nuôi lợn, bò sữa, gia cầm. **B.** chăn nuôi trâu, bò, dê, ngựa.

C. chăn nuôi bò thịt, đánh bắt thủy sản. **D.** chăn nuôi gà, vịt, ngan, cừu.

Câu 26. Đâu không phải nguyên nhân dẫn đến Đồng bằng Sông Hồng có mật độ dân số cao nhất so với các vùng khác trong cả nước là do:

A. Là trung tâm công nghiệp lớn nhất nước ta. **B.** lịch sử khai thác lãnh thổ từ lâu đời.

C. mạng lưới đô thị dày đặc. **D.** nền nông nghiệp lúa nước cần nhiều lao động.

Câu 27. Tài nguyên quý giá nhất của vùng Đồng bằng sông Hồng là:

A. Đất xám, đất mặn **B.** Đất feralit

C. Than nâu và đá vôi **D.** Đất phù sa sông Hồng

Câu 28. Đồng bằng sông Hồng có diện tích lúa

A. cao nhất cả nước **B.** thứ tư cả nước **C.** thứ hai cả nước **D.** thứ ba cả nước

II.TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1 *(2 điểm):* Điều kiện tự nhiên của Đồng bằng Sông Hồng có những thuận lợi và khó khăn gì cho phát triển kinh tế - xã hội?.

Câu 2 *(1 điểm):* Tầm quan trọng của hệ thống đê điều ở Đồng bằng sông Hồng?

……Chúc các em làm bài tốt…….

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI
Đề số 3

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN ĐỊA LÍ 9
Năm học:2023 – 2024
Thời gian làm bài: 45 phút

I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm) (*Học sinh ghi ý đúng nhất vào phiếu làm bài)*

Câu 1. Di sản thiên nhiên thế giới được UNESCO công nhận ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là:
A. Vịnh Hạ Long **B.** Tam Đảo **C.** Đền Hùng **D.** Sa Pa

Câu 2. Thuận lợi về tự nhiên trong nuôi trồng thủy sản nước lợ ở nước ta là
A. nhiều hải đảo có rạn san hô. **B.** nhiều bãi triều, đầm phá, rừng ngập mặn.
C. nhiều ngư trường trọng điểm. **D.** nhiều sông suối, ao hồ, kênh rạch.

Câu 3. Tính đa dạng về cơ cấu sản phẩm nông nghiệp của Trung du và miền núi Bắc Bộ thể hiện ở chỗ có cả:
A. cây nhiệt đới, cây cận nhiệt và cả cây ôn đới.
B. cây lương thực, cây ăn quả, và cây thực phẩm.
C. cây thực phẩm, cây ăn quả và cây công nghiệp.
D. cây công nghiệp, cây ăn quả và cây dược liệu.

Câu 4. Thế mạnh về tự nhiên tạo cho Đồng bằng Sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông là:
A. địa hình bằng phẳng. **B.** có một mùa đông lạnh.
C. đất phù sa màu mỡ. **D.** nguồn nước mặt phong phú.

Câu 5. Loài gia súc nào của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ chiếm tỉ trọng cao nhất so với cả nước?
A. Bò. **B.** Dê. **C.** Trâu. **D.** Ngựa.

Câu 6. Loại nhiên liệu sử dụng cho các nhà máy nhiệt điện ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là:
A. Khí đốt **B.** Than đá **C.** Dầu lửa **D.** Than gỗ.

Câu 7. Các dân tộc ít người ở Tây Bắc chủ yếu là:
A. Ê - đê, Dao, Giáy, Lự,… **B.** Gia-rai, Cơ-ho, Ê-đê, Mạ,…
C. Thái, Mường, Dao, Mông,… **D.** Tày, Nùng, Hoa, Chăm,...

Câu 8. Khoáng sản có trữ lượng lớn nhất vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là:
A. Đồng **B.** Than đá **C.** Sắt **D.** Đá vôi

Câu 9. Các nhà máy thủy điện Sơn La, Hòa Bình nằm trên dòng sông:
A. Lô **B.** Gâm **C.** Chảy **D.** Đà

Câu 10. Các trung tâm kinh tế quan trọng ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là:
A. Móng Cái, Tuyên Quang, Bắc Giang, Bắc Kan.
B. Lào Cai, Điện Biên Phủ, Sơn La, Hòa Bình
C. Cẩm Phả, Cao Bằng, Hà Giang, Uông Bí
D. Thái Nguyên, Việt Trì, Hạ Long, Lạng Sơn

Câu 11. Họat động nội thương phát triển *chậm nhất* ở vùng:
A. Đông Nam Bộ **B.** ĐBSH
C. Tây Nguyên **D.** Duyên hải Nam Trung Bộ

Câu 12. Về mặt tự nhiên Trung du và miền núi Bắc Bộ có đặc điểm chung là:
A. chịu ảnh hưởng nặng của mạng lưới thủy văn. **B.** chịu tác động rất lớn của biển.
C. chịu ảnh hưởng sâu sắc của vĩ độ. **D.** chịu sự chi phối sâu sắc của độ cao địa hình.

Câu 13. Cây công nghiệp lâu năm quan trọng nhất ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là:
A. cà phê **B.** điều **C.** cao su **D.** chè

Câu 14. Các tỉnh không thuộc Đồng bằng Sông Hồng là:
A. Hà Nam, Ninh Bình **B.** Thái Bình, Nam Định
C. Bắc Ninh, Vĩnh Phúc **D.** Bắc Giang, Lạng Sơn

Câu 15. Ở nước ta, năm 2012 diện tích trồng lúa là 7,76 triệu ha, sản lượng lúa là 43,73 triệu tấn. Năng suất lúa của nước ta năm 2012 là

A. 51,5 tạ/ha **B.** 5,64 tạ/ha **C.** 35,9 tạ/ha **D.** 56,4 tạ/ha

Câu 16. Tài nguyên khoáng sản có giá trị ở Đồng bằng Sông Hồng là:

A. đá vôi, sét cao lanh, than nâu, khí tự nhiên. **B.** apatit, mangan, than nâu, đồng.

C. thiếc, vàng, chì, kẽm **D.** than nâu, bôxít, sắt, dầu mỏ.

Câu 17. Những thế mạnh kinh tế quan trọng hàng đầu của Trung du và miền núi Bắc Bộ là:

A. công nghiệp chế biến lương thực – thực phẩm và phát triển ngành thủy sản

B. trồng cây lương thực, cây ăn quả và khai thác lâm sản

C. giao thông vận tải biển và nuôi trồng thủy sản

D. khai thác khoáng sản và phát triển thủy điện

Câu 18. Giá trị sản xuất công nghiệp ở nước ta tập trung cao ở vùng

A. Đông Nam Bộ. **B.** Duyên Hải Nam Trung Bộ

C. Bắc Trung Bộ. **D.** Tây Nguyên

Câu 19. Đặc điểm nào sau đây không phải của Trung du và miền núi Bắc Bộ?

A. có diện tích lớn nhất so với các vùng khác. **B.** có số dân đông nhất so với các vùng khác.

C. có sự phân hóa thành hai tiểu vùng. **D.** giáp cả Trung Quốc và Lào.

Câu 20. Dựa vào Atlat hãy cho biết năm 2007 khách du lịch quốc tế đến Việt Nam chủ yếu từ quốc gia vùng lãnh thổ nào?

A. Hàn Quốc **B.** Trung Quốc. **C.** Đông Nam Á **D.** Nhật Bản

Câu 21. Trong nông nghiệp Đồng bằng sông Hồng phát triển mạnh:

A. chăn nuôi gà, vịt, ngan, cừu. **B.** chăn nuôi bò thịt, đánh bắt thủy sản.

C. chăn nuôi trâu, bò, dê, ngựa. **D.** chăn nuôi lợn, bò sữa, gia cầm.

Câu 22. Đồng bằng sông Hồng gồm bao nhiêu tỉnh, thành phố?

A. 9 **B.** 12 **C.** 10 **D.** 11

Câu 23. Tài nguyên quý giá nhất của vùng Đồng bằng sông Hồng là:

A. Đất xám, đất mặn **B.** Đất phù sa sông Hồng

C. Than nâu và đá vôi **D.** Đất feralit

Câu 24. Vùng có kết cấu hạ tầng nông thôn hoàn thiện nhất trong nước là:

A. Đông Nam Bộ **B.** Tây Nguyên

C. Đồng bằng sông Cửu Long **D.** Đồng bằng sông Hồng

Câu 25. Đồng bằng sông Hồng là đồng bằng châu thổ được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống:

A. sông Hồng và sông Thái Bình **B.** sông Hồng và sông Đà

C. sông Hồng và sông Cầu **D.** sông Hồng và sông Lục Nam

Câu 26. Công nghiệp của Đồng bằng sông Hồng có đặc điểm

A. phát triển mạnh nhất **B.** còn chậm phát triển

C. hình thành sớm nhất **D.** Chủ yếu là công nghiệp năng lượng và khai khoáng

Câu 27. Đâu không phải nguyên nhân dẫn đến Đồng bằng Sông Hồng có mật độ dân số cao nhất so với các vùng khác trong cả nước là do:

A. nền nông nghiệp lúa nước cần nhiều lao động. **B.** Là trung tâm công nghiệp lớn nhất nước ta.

C. mạng lưới đô thị dày đặc. **D.** lịch sử khai thác lãnh thổ từ lâu đời.

Câu 28. Đồng bằng sông Hồng có diện tích lúa

A. thứ ba cả nước **B.** thứ tư cả nước **C.** cao nhất cả nước **D.** thứ hai cả nước

II.TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1 *(2 điểm):* Điều kiện tự nhiên của Đồng bằng Sông Hồng có những thuận lợi và khó khăn gì cho phát triển kinh tế - xã hội?.

Câu 2 *(1 điểm):* Tầm quan trọng của hệ thống đê điều ở Đồng bằng sông Hồng?

……Chúc các em làm bài tốt…….

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI
Đề số 4

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN ĐỊA LÍ 9
Năm học:2023 – 2024
Thời gian làm bài: 45 phút

I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm) (*Học sinh ghi ý đúng nhất vào phiếu làm bài)*

Câu 1. Cây công nghiệp lâu năm quan trọng nhất ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là:
A. chè **B.** cao su **C.** điều **D.** cà phê

Câu 2. Di sản thiên nhiên thế giới được UNESCO công nhận ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là:
A. Tam Đảo **B.** Đền Hùng **C.** Sa Pa **D.** Vịnh Hạ Long

Câu 3. Thuận lợi về tự nhiên trong nuôi trồng thủy sản nước lợ ở nước ta là
A. nhiều sông suối, ao hồ, kênh rạch. **B.** nhiều hải đảo có rạn san hô.
C. nhiều ngư trường trọng điểm. **D.** nhiều bãi triều, đầm phá, rừng ngập mặn.

Câu 4. Họat động nội thương phát triển *chậm nhất* ở vùng:
A. Duyên hải Nam Trung Bộ **B.** Đông Nam Bộ
C. ĐBSH **D.** Tây Nguyên

Câu 5. Tài nguyên khoáng sản có giá trị ở Đồng bằng Sông Hồng là:
A. đá vôi, sét cao lanh, than nâu, khí tự nhiên. **B.** than nâu, bôxít, sắt, dầu mỏ.
C. thiếc, vàng, chì, kẽm **D.** apatit, mangan, than nâu, đồng.

Câu 6. Giá trị sản xuất công nghiệp ở nước ta tập trung cao ở vùng
A. Đông Nam Bộ. **B.** Bắc Trung Bộ.
C. Tây Nguyên **D.** Duyên Hải Nam Trung Bộ

Câu 7. Khoáng sản có trữ lượng lớn nhất vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là:
A. Sắt **B.** Đồng **C.** Than đá **D.** Đá vôi

Câu 8. Loại nhiên liệu sử dụng cho các nhà máy nhiệt điện ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là:
A. Dầu lửa **B.** Khí đốt **C.** Than đá **D.** Than gỗ.

Câu 9. Các nhà máy thủy điện Sơn La, Hòa Bình nằm trên dòng sông:
A. Chảy **B.** Lô **C.** Đà **D.** Gâm

Câu 10. Ở nước ta, năm 2012 diện tích trồng lúa là 7,76 triệu ha, sản lượng lúa là 43,73 triệu tấn. Năng suất lúa của nước ta năm 2012 là
A. 51,5 tạ/ha **B.** 56,4 tạ/ha **C.** 5,64 tạ/ha **D.** 35,9 tạ/ha

Câu 11. Các tỉnh không thuộc Đồng bằng Sông Hồng là:
A. Bắc Ninh, Vĩnh Phúc **B.** Bắc Giang, Lạng Sơn
C. Hà Nam, Ninh Bình **D.** Thái Bình, Nam Định

Câu 12. Các trung tâm kinh tế quan trọng ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là:
A. Thái Nguyên, Việt Trì, Hạ Long, Lạng Sơn **B.** Lào Cai, Điện Biên Phủ, Sơn La, Hòa Bình
C. Cẩm Phả, Cao Bằng, Hà Giang, Uông Bí **D.** Móng Cái, Tuyên Quang, Bắc Giang, Bắc Kan.

Câu 13. Những thế mạnh kinh tế quan trọng hàng đầu của Trung du và miền núi Bắc Bộ là:
A. trồng cây lương thực, cây ăn quả và khai thác lâm sản
B. công nghiệp chế biến lương thực – thực phẩm và phát triển ngành thủy sản
C. giao thông vận tải biển và nuôi trồng thủy sản
D. khai thác khoáng sản và phát triển thủy điện

Câu 14. Đặc điểm nào sau đây không phải của Trung du và miền núi Bắc Bộ?
A. có diện tích lớn nhất so với các vùng khác. **B.** giáp cả Trung Quốc và Lào.
C. có số dân đông nhất so với các vùng khác. **D.** có sự phân hóa thành hai tiểu vùng.

Câu 15. Các dân tộc ít người ở Tây Bắc chủ yếu là:
A. Thái, Mường, Dao, Mông,… **B.** Tày, Nùng, Hoa, Chăm,...
C. Gia-rai, Cơ-ho, Ê-đê, Mạ,… **D.** Ê - đê, Dao, Giáy, Lự,…

Câu 16. Dựa vào Atlat hãy cho biết năm 2007 khách du lịch quốc tế đến Việt Nam chủ yếu từ quốc gia vùng lãnh thổ nào?

A. Trung Quốc. **B.** Đông Nam Á **C.** Nhật Bản **D.** Hàn Quốc

Câu 17. Tính đa dạng về cơ cấu sản phẩm nông nghiệp của Trung du và miền núi Bắc Bộ thể hiện ở chỗ có cả:

A. cây nhiệt đới, cây cận nhiệt và cả cây ôn đới.

B. cây công nghiệp, cây ăn quả và cây dược liệu.

C. cây lương thực, cây ăn quả, và cây thực phẩm.

D. cây thực phẩm, cây ăn quả và cây công nghiệp.

Câu 18. Loài gia súc nào của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ chiếm tỉ trọng cao nhất so với cả nước?

A. Bò. **B.** Trâu. **C.** Ngựa. **D.** Dê.

Câu 19. Thế mạnh về tự nhiên tạo cho Đồng bằng Sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông là:

A. có một mùa đông lạnh. **B.** đất phù sa màu mỡ.

C. địa hình bằng phẳng. **D.** nguồn nước mặt phong phú.

Câu 20. Về mặt tự nhiên Trung du và miền núi Bắc Bộ có đặc điểm chung là:

A. chịu ảnh hưởng nặng của mạng lưới thủy văn. **B.** chịu tác động rất lớn của biển.

C. chịu ảnh hưởng sâu sắc của vĩ độ. **D.** chịu sự chi phối sâu sắc của độ cao địa hình.

Câu 21. Vùng có kết cấu hạ tầng nông thôn hoàn thiện nhất trong nước là:

A. Đồng bằng sông Hồng **B.** Tây Nguyên

C. Đông Nam Bộ **D.** Đồng bằng sông Cửu Long

Câu 22. Đâu không phải nguyên nhân dẫn đến Đồng bằng Sông Hồng có mật độ dân số cao nhất so với các vùng khác trong cả nước là do:

A. lịch sử khai thác lãnh thổ từ lâu đời. **B.** nền nông nghiệp lúa nước cần nhiều lao động.

C. Là trung tâm công nghiệp lớn nhất nước ta. **D.** mạng lưới đô thị dày đặc.

Câu 23. Trong nông nghiệp Đồng bằng sông Hồng phát triển mạnh:

A. chăn nuôi trâu, bò, dê, ngựa. **B.** chăn nuôi lợn, bò sữa, gia cầm.

C. chăn nuôi gà, vịt, ngan, cừu. **D.** chăn nuôi bò thịt, đánh bắt thủy sản.

Câu 24. Đồng bằng sông Hồng có diện tích lúa

A. cao nhất cả nước **B.** thứ tư cả nước **C.** thứ hai cả nước **D.** thứ ba cả nước

Câu 25. Tài nguyên quý giá nhất của vùng Đồng bằng sông Hồng là:

A. Đất phù sa sông Hồng **B.** Đất feralit

C. Than nâu và đá vôi **D.** Đất xám, đất mặn

Câu 26. Đồng bằng sông Hồng là đồng bằng châu thổ được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống:

A. sông Hồng và sông Đà **B.** sông Hồng và sông Cầu

C. sông Hồng và sông Lục Nam **D.** sông Hồng và sông Thái Bình

Câu 27. Công nghiệp của Đồng bằng sông Hồng có đặc điểm

A. hình thành sớm nhất **B.** còn chậm phát triển

C. Chủ yếu là công nghiệp năng lượng và khai khoáng **D.** phát triển mạnh nhất

Câu 28. Đồng bằng sông Hồng gồm bao nhiêu tỉnh, thành phố?

A. 9 **B.** 12 **C.** 11 **D.** 10

II.TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1 *(2 điểm):* Điều kiện tự nhiên của Đồng bằng Sông Hồng có những thuận lợi và khó khăn gì cho phát triển kinh tế - xã hội?.

Câu 2 *(1 điểm):* Tầm quan trọng của hệ thống đê điều ở Đồng bằng sông Hồng?

……Chúc các em làm bài tốt……..

UBND QUẬN LONG BIÊN	**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**
TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI	**MÔN ĐỊA LÍ 9**
Đề số 5	**Năm học:2023 – 2024**
	Thời gian làm bài: 45 phút

I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm) (*Học sinh ghi ý đúng nhất vào phiếu làm bài)*

Câu 1. Các nguồn tài nguyên khoáng sản như than, dầu, khí là nguyên liệu cho ngành công nghiệp:
A. Công nghiệp năng lượng, hóa chất **B.** Công nghiệp luyện kim màu
C. Công nghiệp luyện kim đen **D.** Công nghiệp vật liệu xây dựng

Câu 2. Ở nước ta, năm 2012 diện tích trồng lúa là 7,76 triệu ha, sản lượng lúa là 43,73 triệu tấn. Năng suất lúa của nước ta năm 2012 là
A. 35,9 tạ/ha **B.** 56,4 tạ/ha **C.** 51,5 tạ/ha **D.** 5,64 tạ/ha

Câu 3. Những thế mạnh kinh tế quan trọng hàng đầu của Trung du và miền núi Bắc Bộ là:
A. trồng cây lương thực, cây ăn quả và khai thác lâm sản
B. công nghiệp chế biến lương thực – thực phẩm và phát triển ngành thủy sản
C. giao thông vận tải biển và nuôi trồng thủy sản
D. khai thác khoáng sản và phát triển thủy điện

Câu 4. Đặc điểm nào sau đây không phải của Trung du và miền núi Bắc Bộ?
A. có diện tích lớn nhất so với các vùng khác. **B.** giáp cả Trung Quốc và Lào.
C. có số dân đông nhất so với các vùng khác. **D.** có sự phân hóa thành hai tiểu vùng.

Câu 5. Nhân tố tự nhiên ảnh hưởng lớn đến sự phát triển và sự phân bố công nghiệp là:
A. Vị trí địa lý **B.** Khí hậu **C.** Địa hình **D.** Khoáng sản

Câu 6. Vùng chuyên canh cây cao su lớn nhất nước ta là
A. Tây Nguyên. **B.** Bắc Trung Bộ.
C. Đông Nam Bộ. **D.** Trung du miền núi Bắc Bộ.

Câu 7. Các nhà máy thủy điện Sơn La, Hòa Bình nằm trên dòng sông:
A. Đà **B.** Gâm **C.** Chảy **D.** Lô

Câu 8. Các hoạt động dịch vụ tập trung nhiều nhất ở đâu?
A. Các thành phố lớn, thị xã, khu công nghiệp. **B.** Các vùng duyên hải ven biển.
C. Các cao nguyên đất đỏ ba dan. **D.** Các đồng bằng phù sa màu mỡ.

Câu 9. Thuận lợi về tự nhiên trong nuôi trồng thủy sản nước lợ ở nước ta là
A. nhiều hải đảo có rạn san hô. **B.** nhiều bãi triều, đầm phá, rừng ngập mặn.
C. nhiều sông suối, ao hồ, kênh rạch. **D.** nhiều ngư trường trọng điểm.

Câu 10. Cây công nghiệp chủ yếu của nước ta có nguồn gốc
A. nhiệt đới. **B.** cận nhiệt đới. **C.** cận xích đạo. **D.** ôn đới.

Câu 11. Cây công nghiệp lâu năm quan trọng nhất ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là:
A. cà phê **B.** cao su **C.** chè **D.** điều

Câu 12. Thế mạnh về tự nhiên tạo cho Đồng bằng Sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông là:
A. đất phù sa màu mỡ. **B.** địa hình bằng phẳng.
C. nguồn nước mặt phong phú. **D.** có một mùa đông lạnh.

Câu 13. Nước ta chủ yếu nhập khẩu:
A. Máy móc thiết bị, nguyên liệu và nhiên liệu **B.** Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản
C. Lương thực thực phẩm và hàng tiêu dùng **D.** Hàng nông, lâm, thủy sản

Câu 14. Giá trị sản xuất công nghiệp ở nước ta tập trung cao ở vùng
A. Bắc Trung Bộ. **B.** Đông Nam Bộ.
C. Duyên Hải Nam Trung Bộ **D.** Tây Nguyên

Câu 15. Đâu không phải nguyên nhân dẫn đến Đồng bằng Sông Hồng có mật độ dân số cao nhất so với các vùng khác trong cả nước là do:
A. nền nông nghiệp lúa nước cần nhiều lao động. **B.** mạng lưới đô thị dày đặc.

C. lịch sử khai thác lãnh thổ từ lâu đời. **D.** Là trung tâm công nghiệp lớn nhất nước ta.

Câu 16. Về mặt tự nhiên Trung du và miền núi Bắc Bộ có đặc điểm chung là:

A. chịu ảnh hưởng sâu sắc của vĩ độ. **B.** chịu ảnh hưởng nặng của mạng lưới thủy văn.

C. chịu sự chi phối sâu sắc của độ cao địa hình. **D.** chịu tác động rất lớn của biển.

Câu 17. Tài nguyên khoáng sản có giá trị ở Đồng bằng Sông Hồng là:

A. apatit, mangan, than nâu, đồng. **B.** đá vôi, sét cao lanh, than nâu, khí tự nhiên.

C. than nâu, bôxít, sắt, dầu mỏ. **D.** thiếc, vàng, chì, kẽm

Câu 18. Trong cơ cấu GDP các ngành dịch vụ, chiếm tỷ trọng nhỏ nhất là:

A. Ba loại hình ngang bằng nhau **B.** Dịch vụ công cộng

C. Dịch vụ tiêu dùng **D.** Dịch vụ sản xuất

Câu 19. Cho biểu đồ:

BIỂU ĐỒ TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU
DỊCH VỤ TIÊU DÙNG PHÂN THEO VÙNG, NĂM 2002

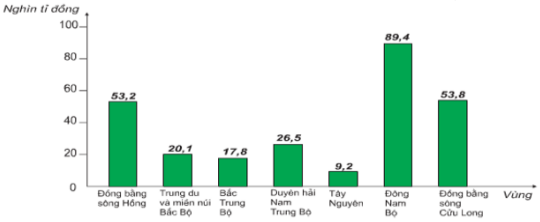

Vùng nào có tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2002 nhỏ nhất cả nước?

A. Đồng bằng sông Cửu Long. **B.** Đông Nam Bộ.

C. Tây Nguyên. **D.** Đồng bằng sông Hồng.

Câu 20. Đồng bằng sông Hồng là đồng bằng châu thổ được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống:

A. sông Hồng và sông Đà **B.** sông Hồng và sông Thái Bình

C. sông Hồng và sông Cầu **D.** sông Hồng và sông Lục Nam

Câu 21. Tài nguyên quý giá nhất của vùng Đồng bằng sông Hồng là:

A. Đất feralit **B.** Đất phù sa sông Hồng

C. Đất xám, đất mặn **D.** Than nâu và đá vôi

Câu 22. Than đá trong vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ khai thác không nhằm mục đích:

A. Làm đồ trang sức **B.** Tiêu dùng trong nước

C. Làm nhiên liệu nhiệt điện **D.** Xuất khẩu

Câu 23. Vùng nào sau đây có số lượng trâu nhiều nhất ở nước ta?

A. Trung du miền núi Bắc Bộ. **B.** Tây Nguyên.

C. Duyên hải Nam Trung Bộ. **D.** Đông Nam Bộ.

Câu 24. Các nhân tố có vai trò quyết định đến sự phát triển và phân bố công nghiệp của nước ta là:

A. Thị trường, chính sách phát triển công nghiệp **B.** Dân cư và lao động.

C. Các nhân tố kinh tế - xã hội. **D.** Cơ sở vật chất kĩ thuật trong công nghiệp và cơ sở hạ tầng

Câu 25. Các trung tâm kinh tế quan trọng ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là:

A. Thái Nguyên, Việt Trì, Hạ Long, Lạng Sơn **B.** Cẩm Phả, Cao Bằng, Hà Giang, Uông Bí

C. Móng Cái, Tuyên Quang, Bắc Giang, Bắc Kan. **D.** Lào Cai, Điện Biên Phủ, Sơn La, Hòa Bình

Câu 26. Loại nhiên liệu sử dụng cho các nhà máy nhiệt điện ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là:

A. Dầu lửa **B.** Khí đốt **C.** Than gỗ. **D.** Than đá

Câu 27. Trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp của nước ta, ngành chiếm tỉ trọng cao nhất là

A. trồng trọt. **B.** thủy sản. **C.** dịch vụ nông nghiệp **D.** chăn nuôi

Câu 28. Khoáng sản có trữ lượng lớn nhất vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là:

A. Đá vôi **B.** Than đá **C.** Sắt **D.** Đồng

II.TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1 *(2 điểm):* Nêu những thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên của Trung du và miền núi Bắc Bộ:

Câu 2 *(1 điểm):* Tầm quan trọng của hệ thống đê điều ở Đồng bằng sông Hồng?

UBND QUẬN LONG BIÊN TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI	ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM KIỂM TRA KÌ I MÔN ĐỊA LÍ 9 Năm học: 2023 – 2024

I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm) ***Mỗi ý đúng được 0,25 điểm***

Câu	Đề			
	1	2	3	4
1	B	D	A	A
2	C	B	B	D
3	A	D	A	D
4	B	A	B	D
5	B	B	C	A
6	D	C	B	A
7	B	C	C	C
8	C	B	B	C
9	D	C	D	C
10	A	A	D	B
11	C	A	C	B
12	D	D	D	A
13	D	A	D	D
14	D	B	D	C
15	C	D	D	A
16	A	A	A	B
17	A	B	D	A
18	D	A	A	B
19	D	B	B	A
20	B	A	C	D
21	C	C	D	A
22	B	C	C	C
23	D	A	B	B
24	A	B	D	C
25	D	A	A	A
26	B	A	C	D
27	B	D	B	A
28	D	C	D	D

II. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu		Điểm
1	**Điều kiện tự nhiên của Đồng bằng Sông Hồng có những thuận lợi và khó khăn gì cho phát triển kinh tế - xã hội?**	**2 điểm**

	*** Thuận lợi:** - Đất phù sa màu mỡ là tài nguyên quý giá nhất của vùng, phân bố trên nền địa hình rộng lớn, bằng phẳng. Kết hợp với điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm, nguồn nước dồi dào thuận lợi cho thâm canh tăng vụ trong sản xuất nông nghiệp. - Có một mùa đông lạnh phù hợp để phát triển rau màu ưa lạnh (cà chua, bắp cải…) - Khoáng sản có giá trị nhất là các mỏ đá (Hải Phòng, Hà Nam, Ninh Bình), sét cao lanh (Hải Dương), than nâu (Hưng Yên), khí tự nhiên(Thái Bình). Thuận lợi để phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác khí tự nhiên. - Nguồn nước dồi dào từ sông Hồng, nước khoáng và vùng biển rộng lớn phía Đông Nam. Có vai trò cung cấp nước cho sản xuất sinh hoạt, phát triển du lịch, đánh bắt nuôi trồng thủy sản, giao thông vận tải biển… - Tài nguyên biển đang được khai thác hiệu quả nhờ phát triển nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, du lịch. *** Khó khăn:** - Địa hình thấp, có nhiều ô trũng, mùa mưa dễ gây ngập lụt kéo dài. - Đất trong đê không được bồi đắp thường xuyên và đang dần thoái hóa, rìa đồng bằng đất bạc màu. - Chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc với những đợt giá rét, khí hậu nhiệt đới ẩm dễ phát sinh dịch bệnh (sốt xuất huyết) và khó khăn trong bảo dưỡng máy mọc thiết bị sản xuất. - Nguồn tài nguyên tại chỗ hạn chế, phần lớn phải nhập khẩu nguyên nhiên liệu từ các vùng khác về.	0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ
2	**Đê ở đồng bằng sông Hồng có vai trò rất quan trọng** - Tránh được nguy cơ phá hoại của lũ lụt hàng năm do sông Hồng gây ra, đặc biệt vào mùa mưa bão. - Làm cho diện tích đất phù sa của Đồng bằng sông Hồng không ngừng được mở rộng về phía biển. - Làm cho địa bàn phân bố dân cư được phủ khắp châu thổ, làng mạc trù phú, dân cư đông đúc. - Giúp cho nông nghiệp thâm canh, tăng vụ; công nghiệp, dịch vụ phát triển sôi động. Nhiều di tích lịch sử, giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể được lưu giữ và phát triển	**1 điểm** 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ

GV ra đề TTCM BGH duyệt

Trần Thị Ngoan **Phạm Thanh Dung** **Đặng Thị Tuyết Nhung**

UBND QUẬN LONG BIÊN TRƯỜNG THCS PHÚC LỢI	ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM KIỂM TRA KÌ I MÔN ĐỊA LÍ 9 Năm học: 2023 – 2024

I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm) ***Mỗi ý đúng được 0,25 điểm***
Đề 5

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
A	**B**	**D**	**C**	**D**	**C**	**A**	**A**	**B**	**A**	**C**	**D**	**A**	**B**
15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
D	**C**	**B**	**B**	**C**	**B**	**B**	**A**	**A**	**C**	**A**	**D**	**A**	**B**

II. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu		Điểm
1	**Những thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên của Trung du và miền núi Bắc Bộ:** - Địa hình, đất: vùng có địa hinh đồi bát úp xen kẽ những cánh đồng thung lung bằng phẳng, kết hợp với đất feralit màu mỡ. - Khí hậu: khí hậu nhiệt đới ẩm có mùa đông lạnh, phân hóa đa dạng. ⇔ Thuận lợi để phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm, cây dược liệu, cây ăn quả ôn đới và cận nhiệt; trồng rừng, chăn nuôi gia súc lớn; đồng thời xây dựng các khu công nghiệp, đô thị. - Tài nguyên khoáng sản: vùng tập trung khoáng sản đa dạng và giàu có nhất cả nước (than, sắt, đồng, thiếc, apatit, kẽm, crom...), đặc biệt là than đá (Quảng Ninh). Thuận lợi phát triển công nghiệp khai thác, công nghiệp nặng,... - Tài nguyên rừng khá giàu có, vùng có tỉ lệ che phủ rừng cao nhất cả nước, trong rừng còn nhiều lâm sản quý và các loài chim thú. - Tài nguyên nước: + Có nhiều hệ thống sông lớn, chảy qua địa hình dốc nên tiềm năng thủy điện lớn (lớn thứ 2 cả nước sau Tây Nguyên). + Các nguồn nước nóng, nước khoáng... - Tài nguyên biển: các bãi biển, thủy hải sản biển....thuận lợi phat triển kinh tế biển.	**2 điểm** 0,25 đ 0,5 đ 0,5 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ
2	**Đê ở đồng bằng sông Hồng có vai trò rất quan trọng**	**1 điểm**

	- Tránh được nguy cơ phá hoại của lũ lụt hàng năm do sông Hồng gây ra, đặc biệt vào mùa mưa bão. - Làm cho diện tích đất phù sa của Đồng bằng sông Hồng không ngừng được mở rộng về phía biển. - Làm cho địa bàn phân bố dân cư được phủ khắp châu thổ, làng mạc trù phú, dân cư đông đúc. - Giúp cho nông nghiệp thâm canh, tăng vụ; công nghiệp, dịch vụ phát triển sôi động. Nhiều di tích lịch sử, giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể được lưu giữ và phát triển	0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ

GV ra đề	TTCM	BGH duyệt
Trần Thị Ngoan	**Phạm Thanh Dung**	**Đặng Thị Tuyết Nhung**